

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	156,681,000	94,274,000	60
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	700,000	345,839	49%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	5,628,000	6,719,783	119%
3	Thu bổ sung	150,353,000	78,952,000	53%
	- Thu bổ sung cân đối	113,078,000	56,555,000	50%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	37,275,000	22,397,000	
4	Thu chuyển nguồn	-	8,256,378	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước			
II	TỔNG SỐ CHI	156,681,000	58,198,616	37%
1	Chi đầu tư phát triển	2,856,000	1,422,307	50%
2	Chi thường xuyên	151,316,000	56,776,309	38%
3	Dự phòng	2,509,000	-	0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	160,853,000	156,681,000	101,998,905	94,274,000	63%	60%
I	Các khoản thu 100%	700,000	700,000	599,252	345,839	86%	49%
	- Phí, lệ phí	380,000	380,000	248,397	174,118	65%	46%
	- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-				
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-					
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-		94,417	42,000		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-					
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định	-					
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-					
	- Thu khác	320,000	320,000	256,438	129,721	80%	41%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	9,800,000	5,628,000	14,191,275	6,719,783	145%	119%
1	Các khoản thu phân chia	9,800,000	5,628,000	14,191,275	6,719,783	145%	119%
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2,080,000	1,040,000	4,371,526	994,822	210%	96%
	- Thuế thu nhập cá nhân	430,000	215,000	700,303		163%	0%
	- Thu cấp quyền sử dụng đất	4,200,000	2,856,000	6,612,951	4,496,806	157%	157%
	- Thu lệ phí trước bạ	2,600,000	1,300,000	2,265,243	1,120,759	87%	86%
	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	110,000	55,000	60,783	30,391	55%	55%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			532	532		
	- Tiền thuê đất	380,000	162,000	179,937	76,473	47%	47%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		-	8,256,378	8,256,378		

V	Thu kết dư ngân sách năm trước		-				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	150,353,000	150,353,000	78,952,000	78,952,000	53%	53%
	- Thu bổ sung cân đối	113,078,000	113,078,000	56,555,000	56,555,000	50%	50%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	37,275,000	37,275,000	22,397,000	22,397,000	60%	60%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	156,681,000	2,856,000	153,825,000	58,198,616	1,422,307	56,776,309	37%	50%	37%
	Trong đó									
A	Chi ngân sách xã đã qua kho bạc	156,681,000	2,856,000	153,825,000	58,198,616	1,422,307	56,776,309	37%		37%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	2,856,000	2,856,000	-	1,422,307	1,422,307	-	50%		
1	Chi đầu tư XDCB									
2	Chi đầu tư phát triển khác	2,856,000	2,856,000		1,422,307	1,422,307		50%	50%	
II	Chi thường xuyên	151,316,000	-	151,316,000	56,776,309	-	56,776,309	38%		38%
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	2,413,000	-	2,413,000	1,444,653	-	1,444,653	60%		60%
-	Chi quốc phòng	1,913,000		1,913,000	1,432,653		1,432,653	75%		75%
-	Chi An ninh	500,000		500,000	12,000		12,000	2%		2%
2	Chi sự nghiệp giáo dục	54,789,347		54,789,347	23,863,374		23,863,374	44%		44%
3	Chi sự nghiệp y tế, DS KHHGĐ	9,099,000		9,099,000	2,714,278		2,714,278	30%		30%
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	150,000		150,000						
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao, phát thanh	610,000		610,000	37,745		37,745	6%		6%
6	Sự nghiệp kinh tế	27,250,764		27,250,764	494,247		494,247	2%		2%
7	Sự nghiệp môi trường	1,000,000		1,000,000	139,116		139,116	14%		14%
8	Sự nghiệp xã hội	30,174,995		30,174,995	16,300,376		16,300,376	54%		54%
9	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	25,579,894		25,579,894	11,769,568		11,769,568	46%		46%
10	Chi khác	249,000		249,000	12,952		12,952	5%		5%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
III	Dự phòng ngân sách	2,509,000		2,509,000	-			0%		0%

